

Số: 56 /2013/TT-BTC

Hà Nội, ngày 6 tháng 5 năm 2013

**THÔNG TƯ****Sửa đổi thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng than gỗ rừng trồng thuộc nhóm 44.02 trong Biểu thuế xuất khẩu**

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 830/2009/UBTVQH12 ngày 17/10/2009 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị Quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng và Nghị quyết số 710/2008/NQ-UBTVQH12 ngày 22/11/2008 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 295//2007/NQ-UBTVQH12;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2012 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách năm 2012.

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng than gỗ rừng trồng thuộc nhóm 44.02 trong Biểu thuế xuất khẩu.

**Điều 1. Sửa đổi thuế suất thuế xuất khẩu**

Sửa đổi thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng than gỗ rừng trồng thuộc nhóm 44.02 trong Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 193/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế như sau:

Số TT	Mô tả hàng hoá	Thuộc các nhóm hàng, phân nhóm, mã số			Thuế suất (%)
45	Than củi (kể cả than đốt từ vỏ quả hoặc hạt), đã hoặc chưa đóng thành khối	44.02			
	- Cửa tre	4402	10	00	10

Số TT	Mô tả hàng hoá	Thuộc các nhóm hàng, phân nhóm, mã số			Thuế suất (%)
	- Loại khác:				
	- - Than gáo dừa	4402	90	10	0
	- - <b>Than gỗ rừng trồng</b>	<b>4402</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>5</b>
	- - Loại khác	4402	90	90	10

## Điều 2. Chú giải nhóm

Mặt hàng than gỗ rừng trồng thuộc mã số 4402.90.90 để được áp dụng mức thuế suất theo quy định tại Điều 1 phải đáp ứng các tiêu chí kỹ thuật sau:

Tiêu chí	Yêu cầu
Ngoại quan	Đen bóng láng, không nứt nẻ
Độ cứng	Cứng, rắn chắc
Hàm lượng tro	≤ 3%
Hàm lượng carbon cố định (C)-là carbon nguyên tố, không mùi, không khói khi tiếp lửa.	≥ 70%
Nhiệt lượng	≥ 7000Kcal/kg
Hàm lượng lưu huỳnh	≤ 0,2%
Độ bốc	≥ 4%

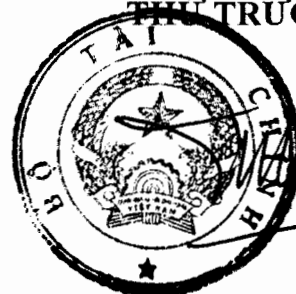
## Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2013. /

### Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Văn phòng TW và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Toà án, Viện Kiểm sát nhân dân TC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng BCĐTW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (PXNK).

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG



Vũ Thị Mai